BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2018*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam, gồm:

1. Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký; tên thương phẩm, dạng và hàm lượng thuốc (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

a) Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký: 63 hoạt chất, 71 tên thương phẩm;

b) Sửa đổi tên thương phẩm, dạng và hàm lượng: 9 hoạt chất, 12 tên thương phẩm.

2. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký chính thức vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

a) Thuốc trừ sâu: 06 hoạt chất, 08 tên thương phẩm;

b) Thuốc trừ bệnh: 07 hoạt chất, 07 tên thương phẩm;

c) Thuốc bảo quản nông sản: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm.

3. Các thuốc bảo vệ thực vật đăng ký bổ sung vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này), bao gồm:

a) Thuốc trừ sâu: 121 hoạt chất, 151 tên thương phẩm;

b) Thuốc trừ bệnh: 70 hoạt chất, 87 tên thương phẩm;

c) Thuốc trừ cỏ: 13 hoạt chất, 18 tên thương phẩm;

d) Thuốc điều hòa sinh trưởng: 03 hoạt chất, 06 tên thương phẩm;

đ) Thuốc trừ chuột: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm;

e) Thuốc bảo quản nông sản: 01 hoạt chất, 01 tên thương phẩm.

4. Bảng mã số HS thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 về bảng mã số HS đối với hàng hóa chuyên ngành xuất khẩu, nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

SỬA ĐỔI TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ, TÊN THƯƠNG PHẨM, DẠNG VÀ HÀM LƯỢNG THUỐC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Sửa đổi tên tổ chức đề nghị đăng ký

TT	Tên hoạt chất - Nguyên liệu	Tên thương phẩm	Đã quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BNNPTNT ngày 09/02/2018	Sửa đổi lại
1	Abamectin	NP Pheta 2.0EC, 2.2EC, 3.6EC, 4.2EC, 5.0EC, 6.0EC, 6.6EC	Công ty CP Điền Thạnh	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Agbamex 3.6EC, 5EC, 6.5EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty CP Global Farm
2	Abamectin 18g/l (36g/l) + Alpha-cypermethrin 100g/l (100g/l)	B thai 118EC, 136EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
3	Acetamiprid	Tosi 30WG	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Cayman 25WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
4	Alpha-cypermethrin	Bestox 5EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam

5	Amino acid	Amino 15SL	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
6	Atrazine	Many 800WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
7	*Bacillus thuringiensis* var.kurstaki	MVP 10 FS	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Crymax ® 35 WP	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Cali Agritech USA
8	*Beauveria bassiana* $1x10^9$ bào tử/g + *Metarhizium anizopliae* 0.5 x 10^9 bào tử/g	Trắng xanh WP	Công ty Hợp danh SH NN Sinh Thành	Công ty CP Đông Nam Đức Thành
9	Bensulfuron Methyl 0.16g/kg + Butachlor 3.04g/kg	One-tri 3.2GR	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
10	Bensulfuron methyl 0.25g/kg (40g/kg) + Pretilachlor 1.75g/kg (360g/kg)	Droper 2GR, 400WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
11	Bifenthrin	Talstar 10 EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
12	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
13	Bispyribac-sodium	Faxai 10 SC	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
14	Bromadiolone	Lanirat 0.005 GR	Novartis Animal Health Inc.	Elanco Animal Health
15	Buprofezin	Oneplaw 10WP	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
16	Butachlor	Butan 60 EC	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	Công ty CP Lion Agrevo

17	Carbosulfan	Marshal 5GR, 200SC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
18	Chlorantraniliprole	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
19	Chlorfenapyr	Ohayo 100SC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
20	Chlorfluazuron 70g/l + Indoxacarb 150g/l	NPellaugold 220SC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
21	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	Wusso 550EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
22	Chlorpyrifos Ethyl 200g/l (450g/l), (450g/kg) + Imidacloprid 50g/l (150g/l), (150g/kg)	Pro-per 250 EC, 600EC, 600WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
23	Cuprous Oxide	Onrush 86.2WG	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
24	Cyantraniliprole	Dupont™ Benevia® 100 OD	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
25	Cyhalofop-butyl 300g/l + Ethoxysulfuron 30g/l	Bushusa 330EC	Công ty CP Nông nghiệp Asean Gold	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát
26	Cymoxanil 8% + Mancozeb 64%	Niko 72WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
27	Cypermethrin	Arrivo 25EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	Công ty CP Lion Agrevo
28	Cypermethrin 6.25% + Phosalone 22.5 %	Serthai 28.75EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

29	Cytokinin (Zeatin)	Agrispon 0.56 SL	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
		Sincocin 0.56 SL	Cali - Parimex. Inc.	Công ty CP Cali Agritech USA
30	Diafenthiuron	Kyodo 25SC, 50WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
31	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
32	Emamectin benzoate (Avermectin B1a 90% + Avermectin B1b 10%)	Kajio 1GR, 5EC, 5WG	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
33	Emamectin benzoate 20g/l + Permethrin 220g/l	Happymy 240EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
34	Flutriafol	Impact 12.5 SC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
35	Gamma-cyhalothrin	Vantex 15CS	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
36	Gibberelic acid	Dolping 40EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		NanoGA3 50TB, 100WP	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
37	Glyphosate	Gly-zet 480 SL	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba	Công ty TNHH Nam Bắc
38	Hexaconazole	Hexavil 5SC, 6SC, 8SC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
39	Hexaconazole 30g/l (40g/l), (35g/kg) + Tricyclazole 220g/l (239g/l), (770g/kg)	King-cide 250SC, 279SC, 805WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega

40	Hexythiazox	Lama 50EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
41	Indoxacarb	DuPont™ Ammate® 30WG, 150EC	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
42	Iprodione	Rovral 50 WP	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
43	Isoprothiolane	Fujy New 40 EC, 400 WP, 450EC, 470EC, 500EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
44	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
45	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Downy 650WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
46	Isoprothiolane 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Newtinano super 800WP	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
47	Kasugamycin 40g/kg + Tricyclazole 768g/kg	Nano Diamond 808WP	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
48	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
49	Metolachlor	Aqual 960EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
50	Metsulfuron Methyl	DuPont™ Ally® 20 WG	DuPont Vietnam Ltd	Công ty TNHH FMC Việt Nam
51	Niclosamide	Oosaka 700WP	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
52	Oligo-sacarit	Olicide 9SL	Viện Nghiên cứu Hạt nhân	Công ty CP SX TM Bio Vina

53	Oxine Copper	Funsave 33.5SC	Zhejiang Hisun Chemical Co., Ltd	Công ty CP Global Farm
54	Permethrin	Peran 10 EC, 50 EC	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời	Công ty CP Lion Agrevo
		Pounce 50EC	FMC Agricultural Products Interational AG	Công ty TNHH FMC Việt Nam
55	Pretilachlor	Difit 300EC	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
56	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Supperfit 300EC	Công ty TNHH BVTV An Hưng Phát	Công ty CP Global Farm
57	Propiconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Fao-gold 525 SE	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
58	Propiconazole 55g/l + Tricyclazole 500g/l	Nano Gold 555SC	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
59	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	Công ty CP Công nghệ sinh học An toàn Việt Nam	Viện Bảo vệ thực vật
60	Pymetrozine	Oscare 50WG, 100WP, 600WG	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Checknp 70WG	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
61	Quizalofop-P-Ethyl	Maruka 5EC	Công ty TNHH BMC	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
62	Rotenone	Newfatoc 50WP, 50SL, 75WP, 75SL	Công ty TNHH Thuốc BVTV Nam Nông	Công ty TNHH UPL Việt Nam
63	Tricyclazole	Fullcide 25WP, 50SC, 75WP, 760WG, 800WP, 820WP, 860WP	Công ty TNHH - TM Nông Phát	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega

2. Sửa đổi tên thương phẩm, dạng và hàm lượng thuốc

TT	Tên hoạt chất - Nguyên liệu	Đã quy định tại Thông tư số 03/2018/ TT-BNNPTNT ngày 09/02/2018	Sửa đổi lại
1	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Topmypro 500SE	Osaka-Top 500SE
2	*Bacillus subtilis*	Biobac 50WP	Biobac WP
3	Butachlor 350g/l + Propanil 350g/l	Soon 70EC	Soon 700EC
4	Chlorantraniliprole	DuPont™ Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG	Prevathon® 0.4GR, 5SC, 35WG
5	Cyantraniliprole	Dupont™ Benevia® 100 OD	Benevia® 100 OD
6	Glyphosate	Dosate 480SC	Dosate 480SL
		Cantosate 480SC	Cantosate 480SL
		Tiposat 480 SC	Tiposat 480 SL
		Trangsate 480SC	Trangsate 480SL
7	Glyphosate potassium salt	Maxer 660 SC	Maxer 660 SL
8	Indoxacarb	DuPont™ Ammate® 30WG, 150EC	Ammate® 30WG, 150EC
9	Metsulfuron Methyl	DuPont™ Ally® 20 WG	Ally® 20 WG

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

CÁC LOẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC ĐĂNG KÝ CHÍNH THỨC VÀO DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ sâu				
1	Cyhalodiamide (min 95%)	Acemide 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Diamide 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
2	Deltamethrin 50 g/l + Piperonil Butoxide 250 g/l (min 90%)	Chín sâu 300EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Nông dược QT Nhật Bản
3	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
4	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	Rệp sáp/cà phê	Sinon Corporation, Taiwan
5	Spirodiclofen (min 98%)	Omega-Spidermite 24SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
6	Triflumezopyrim (min 94%)	Dupont™ Pexena™ 106SC	Rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Du pont Việt Nam

2. Thuốc trừ bệnh				
1	Chlorothalonil 125g/kg + Mancozeb 625g/kg	Elixir 750WG	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
2	Cyflufenamid (min 97%)	Cyflamid 5EW	Phấn trắng/dưa chuột	Sumitomo Corporation Vietnam LLC
3	Didecyldimethylammonium chloride (min 76.6%)	Sporekill 120SL	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Nufarm Asia Sdn. Bhn.
4	Fluoxastrobin (min 94%) 60g/l + Chlorothalonil 600g/l	Evito-C 660SC	Đốm nâu/thanh long	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
5	Pyraclostrobin 333g/l + Fluxapyroxad (min 98%) 167 g/l	Priaxor 500SC	Thán thư/cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH BASF Việt Nam
6	Thảo mộc (Bã quả trẩu, bã thanh hao hoa vàng, bã vỏ hạt điều) 70% + *Trichoderma harzianum* 10^6 CFU/g + *Bacillus subtilis* 10^6 CFU/g + *Metarhizium anisopliae* 10^6 CFU/g + *Azotobacter beijerinckii* 10^6 CFU/g + *Bacillus gisengihumi* 10^6 CFU/g + *Streptomyces owasiensis* 10^6 CFU/g	SH-Lifu (SH-BV1)	Chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng/hồ tiêu	Viện Bảo vệ thực vật
7	Thiabendazole (min 98.5%)	Bestar 505SC	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
3. Thuốc bảo quản nông sản				
1	Chlorpropham (min 98%)	Oorja 50HN	Bảo quản/khoai tây	Công ty TNHH UPL Việt Nam

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III

CÁC LOẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VÀO DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN HOẠT CHẤT - NGUYÊN LIỆU (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (CROP/PEST)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
1. Thuốc trừ sâu				
1	Abamectin	Phesoltin 5.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Reasgant 3.6EC	Bọ nhảy/su hào; sâu tơ/cải thảo, rau cải	Công ty TNHH Việt Thắng
		Tervigo® 020SC	Tuyến trùng rễ/sầu riêng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tigibamec 6.0EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
2	Abamectin 37g/l + Azadirachtin 3g/l	Vinup 40 EC	Sâu đục cuống/vải	Công ty TNHH US.Chemical
3	Abamectin 18g/l + Chlorpyrifos ethyl 260.3g/l + Fipronil 37.5g/l + Lambda-cyhalothrin 17.5g/l	Datoc 333.3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

4	Abamectin 18g/l + Chlorpyrifos ethyl 277.5g/l + Fipronil 37.5g/l	Roctac 333EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
5	Abamectin 100g/kg + Dinotefuran 200g/kg	Dinosingold 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
6	Abamectin 5g/l + Deltamethrin 105g/l + Fipronil 120g/l	Thiocron 230SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
7	Abamectin 18g/l + Emamectin benzoate 2g/l	Unimectin 20EC	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
8	Abamectin 28g/l + Fipronil 30g/l	Nanizza 58EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
9	Abamectin 0.45% + Imidacloprid 1.0%	Abamix 1.45WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Nicotex
10	Abamectin 15g/l + Indoxacarb 50g/l	Sixsess 65EC	Sâu năn/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
11	Abamectin 10g/l + Profenofos 50g/l + Pyridaben 150g/l	Fidasuper 210EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
12	Abamectin 116g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Abachezt 666WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
13	Acetamiprid	Mospilan 3EC	Bọ xít/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
14	Acetamiprid 80g/l + Chlorpyrifos Ethyl 400g/l	Classico 480EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP VTNN Việt Nông
15	Acetamiprid 100 g/l + Chlorpyrifos ethyl 550 g/l	Checsusa 650EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản

16	Acetamiprid 2% + Chlorpyrifos Ethyl 18%	Ecasi 20EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
17	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 250g/kg	Acnal 400WP	Rệp muội/bông vải, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
18	Acetamiprid 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Mitoc-HB 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
19	Acetamiprid 250 g/kg + Pymetrozine 250g/kg	Secso 500WP	Sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
20	Acetamiprid 580g/kg + Pymetrozine 20g/kg	Pycasu 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
21	Acetamiprid 100 g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	B-41 350WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
22	Alpha-cypermethrin	Fascist 5EC	Bọ xít/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Long Hiệp
		Tiper-alpha 5EC	Sâu năn/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
23	Alpha-cypermethrin 50g/l + Chlorpyrifos ethyl 520g/l + Indoxacarb 30g/l	Groudo 600EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
24	Alpha-cypermethrin 25 g/l + Dimethoate 400 g/l	Ablane 425EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
25	Alpha-cypermethrin 150g/kg + Dinotefuran 200 g/kg	Dinosinjapane 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
26	Alpha-cypermethrin 50g/l + Emamectin benzoate 36g/l	Emarin 86EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng

27	Alpha-cypermethrin 10 g/kg (60g/l) + Fenobucarb 10 g/kg (10g/l) + Isoprocarb 350 g/kg (10g/l)	Sieugon 370WP, 80EW	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
28	Alpha-cypermethrin 30g/l + Imidacloprid 20g/l	Alphador 50EC	Bọ xít muỗi/điều, rệp vảy/cà phê, sâu khoang/lạc, rệp sáp/ hồ tiêu	Công ty CP Thanh Điền
29	Alpha-cypermethrin 10 g/l (50g/l) + Permethrin 470 g/l (50g/l) + Profenofos 30g/l (20g/l)	Ktedo 510EC, 120EW	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
30	Azocyclotin 600 g/kg + Flonicamid 100g/kg	Autopro 700WP	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
31	Bacillus thuringensis var 99-1	Enasin 32WP	Sâu tơ/rau cải, cải thảo; sâu khoang/rau dền, mồng tơi	Công ty CP ENASA Việt Nam
32	*Beauveria bassiana* 1 x 10^9 bào tử/g + *Metarhizium anizopliae* 0.5 x 10^9 bào tử/g	TKS-Nakisi WP	Rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh
33	Bifenthrin 50g/l + Novaluron 50g/l	Rimon fast 100SC	Sâu đục thân/mía	Công ty TNHH Adama Việt Nam
34	Buprofezin 200 g/kg + Clothianidin 200g/kg	Nikita 400WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
35	Buprofezin 100g/l + Chlorpyrifos ethyl 400g/l + Fenobucarb 200g/l	Oshanpro 700EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
36	Buprofezin 150g/kg + Dinotefuran 150g/kg	Bupte-HB 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

37	Buprofezin 200g/kg + Dinotefuran 50g/kg	Osinaic 250WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
38	Buprofezin 250g/kg + Fipronil 50g/kg + Pymetrozine 150g/kg	TVG100 450WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
39	Buprofezin 200g/kg + Imidacloprid 100g/kg	Hasuper 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
40	Buprofezin 6% + Isoprocarb 19%	Sanvant 25EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
41	Buprofezin 20g/kg + Pymetrozine 780g/kg	Chesgold 800WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
42	Buprofezin 450g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Mazzin 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
43	Carbaryl	Baryl annong 85 WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH An Nông
44	Carbosulfan	Afudan 3GR	Rầy nâu/lúa, tuyến trùng/mía	Công ty TNHH TM Thái Nông
45	Chlorfenapyr	Danthick 100EC	Sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
		Force excel 240SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
46	Chlorfenapyr 100g/l + Cypermethrin 20g/l	Anstingold 120SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
47	Chlorfenapyr 150 g/l + Emamectin benzoate 20 g/l	Super Ken 170SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
48	Chlorfenapyr 100 g/l + Fipronil 50g/l	Kun super 150SC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

49	Chlorfluazuron 110g/l + Dinotefuran 160g/l	TT Checker 270SC	Rầy/xoài	Công ty TNHH TM Tân Thành
50	Chlorfluazuron 100g/l + Emamectin benzoate 50g/l	Cabala 150EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
51	Chlorfluazuron 100 g/l + Fipronil 160 g/l	Fiplua 260EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
52	Chlorfluazuron 200 g/kg + Fipronil 350g/kg	Acheck 550WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
53	Chlorfluazuron 15% + Indoxacarb 15%	TT-Bite 30SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
54	Chlorpyrifos Ethyl	Anboom 48EC	Sâu năn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Chlorban 48EC	Rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Mapy 48EC	Bọ hung, xén tóc/mía	Map Pacific Pte Ltd
		Siriphos 48EC	Rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH King Elong
		Termicide 40EC	Sâu đục thân/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
55	Chlorpyrifos Ethyl 50% + Cypermethrin 5%	Clothion 55EC	Mọt đục cành/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
56	Chlorpyrifos Ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l	Bidiphote 550EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP SAM
57	Chlorpyrifos ethyl 500g/l + Cypermethrin 50g/l + Fenpropathrin 100g/l	Rago 650EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóc Môn
58	Chlorpyrifos Ethyl 530 g/l + Cypermethrin 50 g/l	Ogau 580 EC	Rệp sáp/cà phê, điều	Công ty CP Nông nghiệp HP

59	Chlorpyrifos Ethyl 530 g/l + Cypermethrin 55 g/l	Tigishield 585EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
60	Chlorpyrifos Ethyl 55% + Cypermethrin 5%	Daiethylfos 60EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Futai
61	Chlorpyrifos ethyl 550 g/l + Cypermethrin 50 g/l	F16 600 EC	Sâu năn/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
62	Chlorpyrifos Ethyl 350 g/l + Dinotefuran 150 g/l	Dorifos 500EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
63	Chlorpyrifos ethyl 250 g/l + Fenobucarb 500 g/l	Babsac 750EC	Châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
64	Chlorpyrifos Ethyl 300g/l + Fenobucarb 400 g/l + Fipronil 50g/l	Ansaoser 750EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
65	Chlorpyrifos ethyl 556g/l + Fipronil 75g/l + Lambda-cyhalothrin 35g/l	Fivtoc 666EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
66	Chlorpyrifos Ethyl 420 g/l + Imidacloprid 57.77 g/kg	Usagrago 477.77 WP	Sâu năn/lúa	Công ty TNHH An Nông
67	Chlorpyrifos Ethyl 500g/kg + Imidacloprid 100g/kg + Lambda-cyhalothrin 30g/kg	Caster 630WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
68	Chlorpyrifos ethyl 500g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Pymphos 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
69	Chlorpyrifos methyl	Sago - Super 3GR	Bọ hà/khoai lang, sâu đục thân/mía	Công ty CP BVTV Sài Gòn

70	Chlorpyrifos methyl 250g/l + Indoxacarb 15g/l	Map Dona 265EC	Sâu xanh/lạc	Map Pacific Pte Ltd
71	Chromafenozide	Red ruby 50SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
72	Clinoptilolite	Map Logic 90WP	Tuyến trùng/su su, chanh leo	Map Pacific Pte Ltd
73	Clothianidin	Dantotsu 50WG	Bọ xít, kiến/thanh long; rầy bông, bọ trĩ/xoài; rầy chổng cánh/cam	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
74	Cyantraniliprole	Benevia® 200SC	Dòi đục lá, bọ phấn trắng/cà chua; bọ trĩ, dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH FMC Việt Nam
75	Cypermethrin	Cyrux 25EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
76	Diafenthiuron	Apensus 500SC	Nhện lông nhung/vải	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Asiangold 500SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Define 500SC	Nhện lông nhung/nhãn	Sundat (S) PTe Ltd
		Pesieu 350SC, 500SC, 500WP	**350SC, 500WP:** Sâu tơ/bắp cải **500SC:** Sâu tơ/cải thảo; sâu đục quả/cà pháo; sâu khoang/ mồng tơi; bọ nhảy/su hào	Công ty TNHH Việt Thắng
77	Diflubenzuron 125g/kg + Pymetrozine 500g/kg	TT-Gep 625WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
78	Dinotefuran 200g/kg + Fipronil 100g/kg + Nitenpyram 250g/kg	Rammax 550WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông

79	Dinotefuran 10g/l (10g/kg) + Fipronil 175g/l (400g/kg) + Imidacloprid 370g/l (400g/kg)	VDCNato 555FS, 810WG	**510FS:** Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa **810WG:** Rệp sáp/cà phê, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
80	Emamectin benzoate	Emathion 55EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Focal 80WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Kajio 1GR	Bọ hung/mía, sâu đục thân/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Map winner 10WG	Nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte Ltd
		Tasieu 5WG	Dòi đục lá/hành, đậu cô ve, cải bó xôi	Công ty TNHH Việt Thắng
		Totnhatsuper 100WG, 70EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV Đa Quốc Gia
81	Emamectin benzoate 5 g/l + Petroleum spray oil 245 g/l	Comda 250EC	Rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP BVTV Sài Gòn
82	Fenpropathrin 160 g/l + Hexythiazox 60g/l	Spider man 220EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
83	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
84	Fenpyroximate	Ortus 5SC	Nhện đỏ/bông vải	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
85	Fipronil	Anpyral 800WG	Sâu năn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
86	Fipronil 30g/l + Imidacloprid 150g/l	Pyzota 180EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ

87	Fipronil 75g/l + Propargite 625g/l	Gatpro-HB 700EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
88	Fipronil 25g/l + Quinalphos 225g/l	Goltoc 250EC	Sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Nam
89	Flonicamid	Teppeki 50WG	Rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
90	Flubendiamide	Takumi 20SC	Sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
91	Hexythiazox	Lama 50EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Nissorun 5EC	Nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
92	Imidacloprid	Anvado 100WP	Châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Imida 20SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Keyword 10SL	Bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
93	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
94	Indoxacarb 150 g/l + Emamectin benzoate 10 g/l	Emigold 160SC	Sâu xanh/hoa cúc	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
95	Indoxacarb 345 g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
96	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
97	Karanjin	Takare 2EC	Nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
98	Lambda-cyhalothrin	Iprolamcy 5EC	Bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Katera 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền

99	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-Tegula 24.7SC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
100	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 30g/l + Phoxim 19.99g/l	Boxing 99.99EW	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
101	Matrine	Dotrine 0.6SL	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
102	Nitenpyram	Charge 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Elsin 600WP	Rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Nitensuper 220 SL, 500WP	**220SL:** Bọ trĩ/điều, rầy nâu/lúa **500WP:** Bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH An Nông
103	Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 400g/kg	Nisangold 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
104	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT-Led 70WG	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
105	Permethrin	Kilsect 10EC	Sâu phao/lúa, rệp sáp/cà phê	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Terin 50EC	Bọ xít, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
106	Permethrin 100 g/l + Quinalphos 250 g/l	Ferlux 350 EC	Rệp sáp/cà phê; sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
107	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (*Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	Rệp sáp/hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
108	Primicarb	Ahoado 50WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Guizhou CVC INC.

109	Profenofos	Ronado 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
110	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
111	Pymetrozine	Bless 500 WP	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Chersieu 75WG	Rầy xanh/bầu	Công ty TNHH Việt Thắng
		Oscare 100WP, 50WG	**100WP:** Rệp bông xơ/mía **50WG:** Bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
112	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
113	Pyridaben	Alfamite 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bipimai 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Dietnhen 150EC	Nhện đỏ/hoa huệ	Công ty CP Điền Thạnh
114	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
115	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** Rầy nâu/lúa **600WP:** Rệp sáp/cà phê, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
116	Rotenone	Bin 25EC	Sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
117	Saponin	Map Lisa 230SL	Sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte Ltd

118	Spirotetramat	Movento 150OD	Sâu đục quả, rệp sáp/bưởi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
119	Sulfur	Ok-Sulfolac 85SC	Nhện đỏ/cam; nhện lông nhung/nhãn	Công ty TNNH Ngân Anh
120	Tebufenpyrad 250g/kg + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH - TM Tân Thành
121	Thiamethoxam	Cruiser® 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh				
1	Albendazole	Abenix 10SC	Vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
2	Amisulbrom	Gekko 20SC	Xì mủ/sầu riêng	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
3	Azoxystrobin	Amistar® 250SC	Thán thư/cam, xoài, vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Envio 250SC	Đốm nâu/thanh long, thán thư/xoài, sương mai/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Sinstar 250SC	Đạo ôn/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
4	Azoxystrobin 100 g/l + Chlorothalonil 500g/l	Kata-top 600SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
5	Azoxystrobin 200 g/l + Difenoconazole 133 g/l	Bia 333SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
6	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	TT-over 325SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
7	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Azosaic 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

8	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 30g/kg + Fosetyl aluminium 250g/kg	Map hero 340WP	Nứt thân chảy nhựa/dưa hấu	Map Pacific Pte Ltd
9	Azoxystrobin 200g/l + Flusilazole 150g/l	Willsuper 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
10	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
11	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Quilt® 200SE	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
12	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
13	Azoxystrobin 400 g/kg + Tebuconazole 100 g/kg	Maxxa 500WG	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
14	Bismerthiazol	Benita 250 WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
15	Bordeaux mixture	BM Bordeaux M 25WP	Sẹo/cam	Công ty TNHH Ngân Anh
16	Chlorothalonil	Anhet 75WP	Đốm lá/hành	Công ty CP Futai
		Arygreen 500SC	Ghẻ sẹo/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Daconil 500SC	Rỉ trắng/rau muống, rỉ sắt/đậu cô ve	Công ty TNHH Việt Thắng
17	Chlorothalonil 600g/kg + Cymoxanil 150g/kg	Dipcy 750WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI

18	Chorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobin 650WP	Thán thư/tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP Nông dược Việt Thành
19	Copper Hydroxide	Chapaon 770WP	Sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Bình Phương
20	Copper Oxychloride	Coc 85WP	Chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Curenox oc 85WP	Thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
21	Copper Oxychloride 175 g/kg + Streptomycin sulfate 50 g/kg + Zinc sulfate 100 g/kg	Parosa 325WP	Mốc xám/hoa hồng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
22	Copper Sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81WP	Chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
23	Copper sulfate pentahydrate	Super mastercop 21SL	Rụng lóng chết dây/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
24	Cymoxanil 8% + Mancozeb 64%	Iprocyman 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Futai
25	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	Rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
26	Cymoxanil 80g/kg + Mancozeb 640g/kg	Razocide 720WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
27	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 270g/l	Cy-pro 350EC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
28	Difenoconazole	Kacie 250EC	Rỉ sắt/cà phê, đốm lá/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
29	Difenoconazole 250g/l + Hexaconazole 83g/l	Koromin 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

30	Difenoconazole 133g/l + Hexaconazole 50g/l + Propiconazole 150g/l	Sieuvil 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
31	Difenoconalole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Cure supe 300EC	Lem lép hạt/lúa, phấn trắng/điều, thán thư/điều	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
32	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 50g/l	Tilcrown super 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP VT BVTV Hà Nội
33	Dimethomorph	Insuran 50WG	Sương mai/khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metho fen 50SC	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
34	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope life 450WP	Thối củ/gừng, thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
35	Fluazinam 400 g/l (500g/kg) + Metalaxyl-M 80 g/l (180g/kg)	Furama 480SC, 680WP	**480SC:** Đốm lá/ngô, mốc sương/khoai tây **680WP:** Đốm lá/ngô, héo rũ gốc mốc trắng/lạc	Công ty TNHH An Nông
36	Flusilazole 50 g/kg + Tebuconazole 250g/kg + Tricyclazole 200 g/kg	Newthivo 500WP	khô vằn/lúa	Công ty TNHH An Nông
37	Fosetyl-aluminium	Agofast 80WP	Mốc sương/dưa hấu, xì mủ/cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Alonil 800WG	Phấn trắng/dưa hấu, thối nõn/dứa	Công ty CP Nicotex

38	Gentamicin 10g/kg + Oxytetracyline 50g/kg + Streptomycin 50g/kg	Banking 110WP	Héo xanh/cà chua	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
39	Gentamycin sulfate 20g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 60g/kg	Antisuper 80WP	Loét/cam	Công ty CP Điền Thạnh
40	Hexaconazole	Anvil® 5SC	Ghẻ sẹo/cam	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Chevin 5SC	Nấm hồng/cao su; thán thư, phấn trắng/xoài; ghẻ sẹo/cam	Công ty CP Nicotex
		Hexavil 6SC	Đốm lá/lạc	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Namotor 100SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
41	Hexaconazole 30 g/l + Flusilazole 10 g/l + Tricyclazole 220 g/l	Avas New 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
42	Hexaconazole 50g/l + Kasugamycin 30g/l + Tricyclazole 360g/l	Lany super 440SC	Rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
43	Iprovalicarb 55g/kg + Propineb 612.5g/kg	Mix-pro 667.5WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
44	Isoprothiolane 10g/kg + Sulfur 55g/kg + Tricyclazole 755g/kg	Ricegold 820WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
45	Kasugamycin 15 g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Stardoba 715WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Agro Việt

46	Kresoxim-methyl	Sosim 300SC	Sương mai/súp lơ, hành; thán thư, phấn trắng, đốm mắt cua/ớt; rỉ sắt/đậu đũa, rỉ trắng/rau muống	Công ty TNHH Việt Thắng
47	Mancozeb	Đaiman 800WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Makozeb-RBC 80WP	Thối quả/cam	Công ty CP Môi trường Quốc tế Rainbow
		Unizeb M45 80 WP	Thán thư/thanh long	Công ty TNHH UPL Việt Nam
48	Metalaxyl	Acodyl 25EC	Sương mai/khoai tây, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
49	Metalaxyl 40g/kg + Mancozeb 640g/kg	Rinhmyn 680WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH An Nông
50	Metominostrobin	Ringo-L 20SL	Gỉ sắt/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
51	Ningnanmycin 61g/kg + Polyoxin B 10g/kg + Streptomycin sulfate 167g/kg	Rorai 238WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
52	Oxolinic acid 600 g/kg + Salicylic acid 150 g/kg	Dorter 750WP	Thán thư/hoa hồng	Công ty TNHH An Nông
53	Phosphorous acid	Sprayphos 620SL	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
54	Physcion	Dofine 0.5SL	Đốm nâu/thanh long, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
55	Polyoxin complex	Polyoxin AL 10WP	Thán thư/ớt	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

56	Polyphenol chiết suất từ cây núc nác (*Oroxylum indicum)* và lá, vỏ cây liễu (*Salix babylonica)*	Chubeca 1.8SL	Thán thư/hành, ghẻ nhám/cam, đốm lá/ngô	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
57	Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	TEPRO - Super 300EC	Thán thư/cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
58	Propineb	Antracol 70WP	Sương mai/hành, mốc xám/rau cải, đốm mắt cua/mồng tơi	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bach 70WP	Lem lép hạt/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Newtracon 70WP	Thán thư/vải	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Nofacol 70WP	Đốm vòng/cà chua, thán thư/thanh long	Công ty TNHH - TM Nông Phát
59	Propineb 613g/kg + Trifloxystrobin 35g/kg	Flint pro 648WG	Thán thư/nhãn	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
60	Pyraclostrobin 50g/kg + Metiram complex 550g/kg	Haohao 600WG	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
61	Pyrimethanil	Rovia 420SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Được Mùa
62	Quaternary ammonium salts	Physan 20SL	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
63	Salicylic Acid	Exin 4.5SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Sinh học
64	*Streptomyces lydicus* WYEC 108	Actinovate 1SP	Thối nhũn/bắp cải, đốm vòng/hành, thối búp/chè	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng

65	Tebuconazole 500 g/kg + Trifloxystrobin 250 g/kg	Activo 750 WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Nativo 750WG	Khô vằn/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Triflo-top 750WG	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hoá chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
66	*Trichoderma* 10^8 bào tử/g	Tricô - ĐHCT 10^8 bào tử/g	Tuyến trùng/cà rốt, sưng rễ/bắp cải	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
67	*Trichoderma harzianum* 2 x 10^6 CFU/g	Zianum 1.00WP	Tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
68	*Trichoderma virens* J.Miller, Giddens & Foster 80% (8 x 10^7 bào tử/g) + *Trichoderma hamatum* (Bon.) Bainer 20% (2 x 10^7 bào tử/g)	Tricô ĐHCT-Phytoph 10^8 bào tử/g WP	Thối quả/nhãn; đốm nâu/ thanh long; sương mai/cà chua, khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
69	Validamycin	Haifangmeisu 10SL	Chết cây con/dưa hấu	Công ty TNHH SX TM DV Thu Loan
70	Zineb	Tigineb 80WP	Thán thư/cà phê	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
3. Thuốc trừ cỏ				
1	Acetochlor	Valux 500EC	Cỏ/lạc	Công ty CP Nông nghiệp HP
2	Acetochlor 42 g/kg + Bensulfuron Methyl 8 g/kg	Aloha 5GR	Cỏ/lúa sạ	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
3	Ametryn	Aptramax 800WP	Cỏ/ngô	Công ty CP Nông nghiệp HP
4	Atrazine	Destruc 800WP	Cỏ/mía	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI

5	Clethodim	Cledimsuper 250EC	Cỏ/vừng, đậu tương	Công ty TNHH An Nông
		Codasuper 240EC	Cỏ/lạc	Công ty TNHH World Vision (VN)
6	Glufosinate ammonium	Basta 15SL	Cỏ/đất không canh tác, hồ tiêu, mía, ngô, điều, cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Glusat 200SL	Cỏ/đất không canh tác	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Haydn 150SL	Cỏ/cà phê	Sinon Corporation, Taiwan
		Tarang 280SL	Cỏ/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Tiguan 150SL	Cỏ/cà phê	Công ty CP Nông nghiệp HP
7	Glyphosate	Cali-up IPA 480SL	Cỏ/cao su	Công ty CP Cali Agritech USA
8	Indaziflam	Becano 500SC	Cỏ/thanh long	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
9	Nicosulfuron	WelkinGold 800WP, 400SC	Cỏ/mía	Công ty TNHH An Nông
10	Pretilachor 300g/l + Chất an toàn Fenclorim 100 g/l	Elipza 300EC	Cỏ/lúa sạ	Công ty CP Nông nghiệp HP
11	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/kg + Quinclorac 450g/kg	Siftus 500WP	Cỏ/lúa sạ	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
12	Pyrazosulfuron Ethyl 50g/l + Quinclorac 250g/l	Rbcfacetplus 300SC	Cỏ/lúa sạ	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
13	Pyribenzoxim	Kato 51EC	Cỏ/lúa sạ	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
4. Thuốc điều hòa sinh trưởng				
1	1-Triacontanol	Tora 1.1SL	Kích thích sinh trưởng/xoài, hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam

2	Brassinolide	Nyro 0.01 SL	Kích thích sinh trưởng/cà chua	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Rice Holder 0.0075SL	Kích thích sinh trưởng/hồ tiêu, cà phê, xoài	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
3	Gibberellic acid	Gib ber 40WG	Kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Gibline 20 TB	Kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Progibb 40% SG	Kích thích sinh trưởng/xoài	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
5. Thuốc trừ chuột				
1	Antimice 3DP	Bromadiolone	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
6. Thuốc bảo quản nông sản				
1	Actellic® 50EC	Pirimiphos-methyl	Mọt kho bảo quản/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng